

## **Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



# Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 53

# Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trái nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 49 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	
Ông Adrian Teng	Thành viên	
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên	từ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2018

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban
Ông Đặng Công Trực	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Đại diện Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 61005161/20237558/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được lập ngày 20 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Dương Lê Anthony  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2223-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>43.312.114.334</b>	<b>38.496.762.168</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>797.359.205</b>	<b>450.085.202</b>
111	1. Tiền		757.359.205	450.085.202
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>370.249.601</b>	<b>521.287.535</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	176.645.721	300.322.358
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	193.603.880	220.965.177
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>12.115.234.630</b>	<b>8.351.136.758</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	3.041.840.795	3.523.855.542
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	3.190.840.965	3.147.068.481
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	103.064.848	103.064.848
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	5.801.110.122	1.598.625.934
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(24.516.778)	(24.536.344)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		2.894.678	3.058.297
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>11</b>	<b>28.745.290.557</b>	<b>27.570.776.776</b>
141	1. Hàng tồn kho		28.809.598.092	27.642.648.117
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(64.307.535)	(71.871.341)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.283.980.341</b>	<b>1.603.475.897</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	18	185.826.491	135.151.851
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	22	1.032.541.082	1.423.645.555
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	65.612.768	44.678.491
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>22.419.673.639</b>	<b>22.041.083.881</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>148.441.384</b>	<b>148.511.845</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	10	30.827.949	30.827.949
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	117.863.435	117.933.896
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(250.000)	(250.000)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>9.253.498.552</b>	<b>8.454.171.155</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	4.927.856.073	4.131.441.618
222	Nguyên giá		8.683.910.483	7.534.682.717
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.756.054.410)	(3.403.241.099)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4.325.642.479	4.322.729.537
228	Nguyên giá		4.517.576.106	4.484.551.208
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(191.933.627)	(161.821.671)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>568.893.930</b>	<b>573.682.315</b>
231	1. Nguyên giá		584.135.880	584.135.880
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(15.241.950)	(10.453.565)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>7.695.996.306</b>	<b>7.740.926.828</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	7.695.996.306	7.740.926.828
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>69.170.610</b>	<b>69.170.610</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	17.1	6.670.241	6.670.241
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.2	62.500.369	62.500.369
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.683.672.857</b>	<b>5.054.621.128</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18	429.829.502	427.479.356
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	621.457	-
269	3. Lợi thế thương mại	19	4.253.221.898	4.627.141.772
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>65.731.787.973</b>	<b>60.537.846.049</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>37.786.842.935</b>	<b>33.937.003.294</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>36.386.408.441</b>	<b>31.919.595.394</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	13.780.228.483	7.234.326.905
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	4.996.638.891	3.288.023.858
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	1.424.552.919	947.744.933
314	4. Phải trả người lao động		71.821.725	1.041.733
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	891.008.107	1.174.370.120
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		11.659.814	3.598.422
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	24	1.109.614.046	331.562.052
320	8. Vay ngắn hạn	25	14.036.927.109	18.879.411.048
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	26	52.382.024	51.455.001
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.575.323	8.061.322
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.400.434.494</b>	<b>2.017.407.900</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		-	56.084
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		1.524.308	-
337	3. Phải trả dài hạn khác	24	4.090.832	4.140.832
338	4. Vay dài hạn	25	1.088.188.214	1.676.612.332
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	266.973.834	301.223.736
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		39.657.306	35.374.916
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>27.944.945.038</b>	<b>26.600.842.755</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>27.944.945.038</b>	<b>26.600.842.755</b>
411	1. Vốn cổ phần	27.1	16.580.000.000	16.580.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.580.000.000	16.580.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	27.1	29.878.837	29.878.837
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	27.1	15.799.800	15.799.800
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.1	3.314.115	3.939.067
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.1	9.746.429.655	8.633.342.635
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		6.641.949.432	3.322.360.494
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.104.480.223	5.310.982.141
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27.6	1.569.522.631	1.337.882.416
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>65.731.787.973</b>	<b>60.537.846.049</b>

Đỗ Thị Liên Chi  
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi  
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương  
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 8 năm 2018



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	27.753.447.275	25.529.125.400
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(2.029.652)	(2.198.936)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	27.751.417.623	25.526.926.464
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29, 33	(22.282.241.835)	(20.669.041.884)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.469.175.788	4.857.884.580
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	388.356.276	197.108.658
22	7. Chi phí tài chính	31	(689.563.865)	(568.751.444)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	31	(275.738.586)	(297.097.035)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		-	58.331
25	9. Chi phí bán hàng	30, 33	(893.890.825)	(839.567.411)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30, 33	(915.335.819)	(786.980.029)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.358.741.555	2.859.752.685
31	12. Thu nhập khác	32	68.214.500	96.304.915
32	13. Chi phí khác	32	(100.789.520)	(136.255.274)
40	14. Lỗ khác	32	(32.575.020)	(39.950.359)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.326.166.535	2.819.802.326
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.2	(317.232.806)	(236.868.254)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	34.3	34.871.359	32.113.123
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.043.805.088	2.615.047.195
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		3.003.370.101	2.567.222.635
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		40.434.987	47.824.560
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	27.5	1.811	1.548
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	27.5	1.811	1.548

Đỗ Thị Liên Chi  
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi  
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương  
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018


Ngân VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>3.326.166.535</b>	<b>2.819.802.326</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13, 14, 19	748.043.109	748.818.351
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(2.373.959)	(121.632.703)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		80.028.543	98.391.762
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư		64.734.511	89.910.432
06	Chi phí lãi vay	31	275.738.586	297.097.035
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>4.492.337.325</b>	<b>3.932.387.203</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(3.117.527.999)	(342.548.852)
10	Tăng hàng tồn kho		(975.226.887)	(230.193.005)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		8.203.936.250	(589.804.129)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(53.024.786)	65.358.469
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		123.676.637	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(425.118.771)	(429.305.192)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	34.2	(246.418.205)	(362.801.911)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(624.957)	(15.537.485)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>8.002.008.607</b>	<b>2.027.555.098</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.726.035.196)	(2.226.364.659)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		166.226.281	14.671.409
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho các đơn vị khác vay		(16.669.886)	(102.563.800)
24	Tiền thu hồi khoản tiền gửi tiết kiệm		44.031.183	4.080.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(23.193.381)
27	Lãi tiền gửi và cho vay nhận được		16.773.377	13.109.157
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.515.674.241)</b>	<b>(2.320.261.274)</b>


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		400.000.000	30.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		19.974.818.097	23.561.502.743
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(25.428.947.204)	(21.703.313.221)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	27.3	(1.067.630.995)	(1.656.888.279)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(17.272.500)	(38.528.331)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		<b>(6.139.032.602)</b>	<b>192.772.912</b>
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		<b>347.301.764</b>	<b>(99.933.264)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		<b>450.085.202</b>	<b>989.892.637</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(27.761)	1.122.375
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<b>797.359.205</b>	<b>891.081.748</b>

  
Đỗ Thị Liên Chi  
Người lập

  
Nguyễn Hoàng Phi  
Kế toán trưởng

  
Trần Bá Dương  
Chủ tịch



Ngày 20 tháng 8 năm 2018